



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 17 (24/04-28/04/23)

*Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các
ETF nội kỳ cơ cấu tháng 04/2023*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Canh mua, tích lũy cổ phiếu vùng giá thấp*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các ETF nội kỳ cơ cấu tháng 04/2023*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index tiếp tục suy yếu hướng về vùng tích lũy thấp hơn từ 1,020 -1,030 điểm*
5. TIN VĨ MÔ: *Chính phủ đồng ý với đề xuất tiếp tục giảm thuế giá trị gia tăng (VAT)*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Y tế +3.98%*
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Canh mua, tích lũy cổ phiếu vùng giá thấp*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1042.91	-0.95%
GTGD/phiên (tỷ VND)	7,626.10	-32.47%
Khối ngoại (tỷ VND)	-318.68	
HNX-INDEX	206.92	-0.16%
GTGD/phiên (tỷ VND)	952.48	-38.44%
Khối ngoại (tỷ VND)	8.72	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4133.52	0.09%	-0.10%	4.68%
EU (EURO STOXX)	4408.59	0.54%	0.41%	5.07%
China (SHCOMP)	3301.26	-1.95%	-1.11%	0.44%
Japan (NIKKEI)	28564.37	-0.33%	0.25%	4.31%
Korea (KOSPI)	2544.40	-0.73%	-1.05%	5.36%
Singapore (STI)	3321.82	0.25%	0.58%	3.19%
Thailand (SET)	1558.36	-0.43%	-2.15%	-1.19%
Phillipines (PCOMP)	6520.44	1.15%	1.11%	1.08%
Malaysia (KLCI)	1422.11	-0.21%	-0.84%	0.79%
Indonesia (JCI)	6821.81	0.50%	0.15%	3.90%
Vietnam (VNIndex)	1042.91	-0.60%	-0.95%	-0.37%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2304	1054.20	0.77%	16,484	31,647
VN30F2305	1040.00	-0.59%	1,246	18,078
VN30F2306	1038.40	-0.74%	7	946
VN30F2309	1036.70	-0.91%	6	227

TTCK VIỆT NAM

Lực cầu suy yếu, áp lực giảm tiếp tục chiếm ưu thế

VN-Index giảm 0.9% khi các nhóm cổ phiếu trụ tiếp tục suy yếu. Giao dịch dè dặt và khối ngoại bán ròng (bán ròng 13 triệu USD và 101 triệu USD trong tháng 3) tiếp tục thử thách tâm lý của NĐT. Những ngành có ảnh hưởng mạnh đến chỉ số như Ngân hàng, Tiện ích suy yếu cùng với đà giảm của dòng tiền. Vận động giá chỉ rõ rệt ở các nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ tuy nhiên điều này không ảnh hưởng xu hướng và thu hút được dòng tiền mới. Độ rộng thị trường duy trì so tuần trước với 13/19 ngành và 57% cổ phiếu giảm. Một loạt chính sách tích cực liên quan tài khóa và trước đó là tiền tệ chưa đủ sức hút với thị trường khi mùa công bố KQKD quý I kém khả quan. Kể từ đầu năm, VN-Index cơ bản vẫn đi ngang quanh 1,050 ± 30 điểm. Nhịp giảm điểm mạnh trong tuần tới sẽ mở ra cơ hội tích lũy cổ phiếu cho hoạt động đầu tư trung hạn bám theo chu kỳ lãi suất giảm.

Tính đến 21/4, 2 sàn HSX và HNX đã có 18% công ty công bố KQKD quý I với mức sụt giảm lợi nhuận cùng kỳ 17%. Số công ty tăng trưởng dương so cùng kỳ chiếm 38% và số công ty công bố thu lỗ chiếm 14% trong tổng 133 Doanh nghiệp. KQKD sơ bộ này phản ánh khó khăn của Doanh nghiệp cũng như nền kinh tế trong quý I. Các công ty công bố giai đoạn đầu phần lớn là các công ty vừa và nhỏ nên chưa phản ánh đầy đủ bức tranh về lợi nhuận. Trong 1-2 tuần tới sẽ có các công ty trong nhóm VN30 và nhóm Ngân hàng sẽ công bố KQKD. Tăng trưởng toàn thị trường sẽ còn thay đổi, cung cấp cái nhìn toàn cảnh cho giao dịch ngắn hạn cũng như kỳ vọng cải thiện những quý cuối năm.

TTCK THẾ GIỚI

Các TTCK chủ chốt gần như đi ngang trong mùa công bố KQKD quý I

Nhiều công ty niêm yết ghi nhận lợi nhuận vượt so với ước tính của các chuyên gia tuy nhiên các thị trường chủ chốt thế giới chỉ giao dịch giằng co và không rõ xu hướng. Các chỉ số CK Hoa Kỳ giảm nhẹ từ 0.1 – 0.6%. Diễn biến cũng tương đồng trên TTCK Châu Âu với mức tăng nhẹ 0.1% của EU600 và vận động trái chiều trong biên độ hẹp tại thị trường Đức, Pháp và Ý. Diễn biến trái chiều cũng ghi nhận tại TTCK Châu Á. Trung Quốc và Thái Lan dẫn đầu đà giảm trong khi Nhật Bản và Pakistan duy trì đà tăng. Lo ngại kinh tế suy thoái làm đảo chiều đà tăng trên thị trường hàng hóa. Chỉ số hàng hóa CRB Index giảm 1.2%, trong đó giá dầu đóng góp chính với mức giảm 6.1% và kim loại quý giảm gần 1%. TTCK và TT hàng hóa giảm một phần cũng do chỉ số DXY tăng lại 0.3% sau chuỗi thời gian dài giảm điểm. Trong tuần tới cùng với mùa công bố KQKD thì GDP Hoa Kỳ công bố lần đầu là thông tin đáng chú ý.

GDP quý I Trung Quốc đạt 4.5%, mức cao nhất kể từ quý I/2022, cao hơn mức dự báo 4%. Mức tăng trưởng không đồng đều khi doanh số bán lẻ tăng mạnh 10.6% so dự báo 7.4% trong khi sản lượng công nghiệp chỉ tăng 3.9%. Hoạt động xuất nhập khẩu tăng trưởng yếu cùng với CPI ở mức thấp 1.3%. Tuy nhiên các chuyên gia nhận định nền kinh tế Trung Quốc đang đi đúng hướng và có thể tăng mạnh trên 7% trong quý II, trước khi chậm lại quý III và IV qua đó đạt mức tăng trưởng 5.3% năm 2023. IMF cũng nhận định tích cực khi cho rằng Trung Quốc là đầu tàu tăng trưởng thế giới trong 5 năm tới, đóng góp 22.6% tăng trưởng toàn cầu vào năm 2028 trong bối cảnh tăng trưởng toàn cầu dự báo chỉ ở mức 3% (triển vọng thấp nhất trung bình 5 năm trong 3 thập kỷ theo dự báo của IMF). Sự trở lại của nền kinh tế Trung Quốc sau dịch khi các đầu tàu kinh tế đang suy giảm là tín hiệu vui cho tăng trưởng kinh tế thế giới.

Chú thích: * tỷ VND

^ hợp đồng

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các ETF nội kỳ cơ cấu tháng 04/2023

Ngày 17/04/2023, Sở GDCK Tp HCM (Hose) đã công bố danh mục cổ phiếu thành phần, thông tin về cập nhật thay đổi về tỷ lệ free-float, khối lượng lưu hành các trọng số liên quan của các bộ chỉ số mà Hose đang quản lý.

Trên cơ sở đó, BSC dự báo SLCP mua/bán đối với 12 ETF đang tham chiếu theo 07 bộ chỉ số trên TTCK Việt Nam.

Một số lưu ý với các thay đổi đáng chú ý trong kỳ cơ cấu lần này:

A. Chỉ số VN-Diamond Index

- Loại bỏ cổ phiếu: EIB và không thêm mới cổ phiếu nào – khớp với dự báo của BSC. Hiện có 02 ETF đang tham chiếu theo bộ chỉ số này

B. Chỉ số VN-Midcap Index

- Loại bỏ cổ phiếu: HNG, HBC, VGC và thêm mới: VIX, FTS, HDC. Hiện có 01 ETF đang tham chiếu

C. Chỉ số VNX-50 Index

- Loại bỏ cổ phiếu: OCB, TCH, THD và thêm mới: EIB, REE, VGC. Hiện có 01 ETF đang tham chiếu và dự kiến sẽ có thêm 01 ETF sẽ giao dịch trong thời gian tới.

1. Tổng hợp cổ phiếu mua/bán các ETF nội

DỰ BÁO DANH MỤC MUA/BÁN CỔ PHIẾU CÁC ETF NỘI KỲ THÁNG 04/2023																						
Mã CK	Diamond	VN30	Finlead	FinSelect	Midcap	VN100	VNX50	Tổng	KLGD TB 1 tháng	Số ngày giao dịch	Mã CK	Diamond	VN30	Finlead	FinSelect	Midcap	VN100	VNX50	Tổng	KLGD TB 1 tháng	Số ngày giao dịch	
GMD	4,153,747	0	0	0	2,881	(5,857)	831	4,151,602	837,701	4.96	DBC	0	0	0	0	4,619	(5,805)	0	(1,186)	4,070,070	0.00	
DHC	663,243	0	0	0	490	0	0	663,733	175,129	3.79	NKG	0	0	0	0	(843)	(2,539)	0	(3,382)	3,791,968	0.00	
CTG	5,741,093	(119,790)	(692,390)	3,537	0	13,033	2,102	4,947,585	2,101,785	2.35	ASM	0	0	0	0	(1,301)	0	0	(1,301)	2,847,090	0.00	
PNJ	1,317,590	0	0	0	4,383	18,840	1,719	1,342,532	680,665	1.97	HPG	0	(35,091)	0	0	0	28,350	(1,648)	(8,389)	18,351,026	0.00	
NLG	3,610,662	0	0	0	3,357	(5,012)	9,885	3,618,892	2,343,671	1.54	VCG	0	0	0	0	(2,124)	(3,330)	0	(5,454)	3,382,027	0.00	
MWVG	2,856,135	129,536	0	0	0	3,150	4,201	2,993,022	3,872,398	0.77	AGR	0	0	0	(805)	0	0	0	(805)	1,354,019	0.00	
VIC	0	1,599,014	0	0	0	37,560	18,176	1,654,750	2,704,646	0.61	VDC	0	0	0	(312)	0	0	0	(312)	500,762	0.00	
KDH	1,112,452	0	0	0	2,543	11,081	3,891	1,129,967	1,864,316	0.61	AAA	0	0	0	0	(4,262)	0	0	(4,262)	5,491,420	0.00	
VIB	2,217,238	(289,342)	607,503	(2,608)	0	(263)	(666)	2,531,862	4,984,884	0.51	AAA	0	0	0	0	(2,093)	0	0	(2,093)	2,405,393	0.00	
VCB	0	116,341	243,447	(1,450)	0	(3,630)	(432)	354,156	775,208	0.46	PHR	0	0	0	0	(475)	0	0	(475)	410,831	0.00	
TCB	3,981,934	495,317	(1,503,138)	3,448	0	16,318	5,122	2,993,001	7,907,480	0.38	ORS	0	0	0	(4,489)	0	0	0	(4,489)	3,123,860	0.00	
SAB	0	74,588	0	0	0	(10,327)	0	64,261	176,773	0.36	CTS	0	0	0	(3,989)	0	0	0	(3,989)	2,382,183	0.00	
MBB	6,139,155	(139,006)	(2,690,440)	(3,560)	0	5,506	(5,918)	3,305,737	10,404,139	0.32	DPM	0	0	0	0	3,889	(7,108)	0	(3,219)	1,892,130	0.00	
TPB	1,827,649	(158,286)	132,679	2,304	0	(3,668)	(2,628)	1,798,050	6,407,188	0.28	VPI	0	0	0	0	1,174	(2,256)	0	(1,082)	622,868	0.00	
VPB	4,772,532	(240,074)	(621,218)	2,230	0	20,542	(4,512)	3,929,500	19,200,761	0.20	FRT	0	0	0	0	2,620	(5,001)	0	(2,381)	1,104,214	0.00	
SSB	0	0	243,455	15,655	26,077	31,474	12,966	329,627	2,455,910	0.13	CTD	0	0	0	0	(1,527)	0	0	(1,527)	603,333	0.00	
SSI	0	324,075	1,378,608	(1,499)	0	19,512	508	1,721,204	22,095,967	0.08	KDC	0	0	0	0	44	(11,211)	6,707	(4,460)	1,520,712	0.00	
PLX	0	86,184	0	0	0	(1,370)	3,904	88,718	1,166,898	0.08	MIG	0	0	0	(1,710)	0	0	0	(1,710)	461,629	0.00	
MSN	0	141,204	0	0	0	2,192	2,736	146,132	2,153,451	0.07	BSI	0	0	0	(4,966)	0	0	0	(4,966)	1,281,210	0.00	
VND	0	0	1,623,700	(164)	(1,280)	(8,193)	4,067	1,618,130	24,796,285	0.07	PVT	0	0	0	0	1,084	(10,400)	0	(9,316)	2,342,714	0.00	
VHM	0	165,933	0	0	0	3,652	4,397	173,982	3,054,752	0.06	DGW	0	0	0	0	(2,507)	(5,874)	0	(8,381)	2,097,441	0.00	
VCI	0	0	392,856	169	72	(4,504)	4,520	393,113	6,912,116	0.06	SBT	0	0	0	0	(6,431)	(6,345)	309	(11,867)	2,666,798	0.00	
HCM	0	0	341,105	72	(4,684)	3,878	5,750	346,121	6,389,610	0.05	PCI	0	0	0	0	1,876	(9,034)	0	(7,158)	1,493,414	0.00	
STB	0	255,131	678,763	(1,206)	0	14,192	5,616	952,496	19,705,722	0.05	HDG	0	0	0	0	(5,533)	793	0	(4,740)	916,198	-0.01	
SHB	0	0	1,432,305	(167)	(4,181)	(2,068)	(971)	1,424,918	39,004,307	0.04	PTB	0	0	0	0	(2,136)	0	0	(2,136)	407,653	-0.01	
PDR	0	262,673	0	0	0	2,299	4,468	269,440	7,597,318	0.04	TCH	0	0	0	0	(1,947)	1,527	(34,401)	(34,821)	5,959,245	-0.01	
CMG	0	0	0	0	1,687	0	0	1,687	50,562	0.03	VGC	0	0	0	0	(9,509)	0	4,508	(5,001)	813,261	-0.01	
SAM	0	0	0	0	3,088	71,829	0	74,917	2,335,769	0.03	GEG	0	0	0	0	(6,994)	0	0	(6,994)	838,918	-0.01	
BVH	0	113,763	(95,684)	(403)	0	(9,710)	(1,583)	6,383	232,443	0.03	VHC	0	0	0	0	(1,325)	(4,834)	711	(5,448)	375,971	-0.01	
LPB	0	0	288,106	(3,508)	(13,160)	2,591	(7,129)	266,900	13,921,593	0.02	VSH	0	0	0	0	(632)	0	0	(632)	35,222	-0.02	
POW	0	259,973	0	0	0	(123,775)	6,888	143,086	7,572,201	0.02	HBC	0	0	0	0	(38,190)	(5,804)	0	(43,994)	2,261,856	-0.02	
NT2	0	0	0	0	0	(3,105)	11,919	8,814	499,494	0.02	GVR	0	(46,529)	0	0	0	(10,402)	0	(56,931)	2,679,668	-0.02	
NVL	0	362,746	0	0	0	13,972	5,956	382,674	24,941,674	0.02	BID	0	(175,650)	160,711	(2,507)	0	(973)	0	(18,419)	818,722	-0.02	
KOS	0	0	0	0	6,408	0	0	6,408	534,415	0.01	VRE	0	(68,022)	0	0	0	(12,185)	2,270	(77,937)	3,106,046	-0.03	
PAN	0	0	0	0	(3,002)	21,897	0	18,895	1,675,878	0.01	SCS	0	0	0	0	(2,595)	0	0	(2,595)	88,586	-0.03	
HPX	0	0	0	0	0	46,632	0	46,632	5,349,906	0.01	BMI	0	0	0	(4,502)	0	0	0	(4,502)	139,821	-0.03	
AGG	0	0	0	0	3,140	0	0	3,140	425,668	0.01	HNG	0	0	0	0	(107,738)	0	0	(107,738)	2,905,211	-0.04	
SCR	0	0	0	0	(1,934)	54,539	0	52,605	7,645,584	0.01	CTR	0	0	0	0	(2,025)	(10,435)	0	(12,460)	285,221	-0.04	
DGC	0	0	0	0	3,425	2,675	4,885	10,985	1,837,890	0.01	BMP	0	0	0	0	(2,676)	0	0	(2,676)	54,769	-0.05	
SJS	0	0	0	0	1,946	0	0	1,946	398,789	0.00	HDB	0	(157,457)	(290,466)	(1,646)	0	6,737	(1,355)	(444,187)	4,078,602	-0.11	
PVD	0	0	0	0	(1,479)	8,405	7,446	14,372	3,822,430	0.00	VJC	0	(74,295)	0	0	0	(5,333)	1,103	(78,525)	646,716	-0.12	
HSG	0	0	0	0	9,859	6,784	7,486	24,129	13,337,878	0.00	BWE	0	0	0	0	1,118	(6,812)	0	(5,694)	37,154	-0.15	
DIG	0	0	0	0	8,900	14,072	10,786	33,758	19,697,622	0.00	VNM	0	(255,553)	0	0	0	(3,567)	3,468	(255,652)	1,187,823	-0.23	
IDC	0	0	0	0	0	0	4,192	4,192	285,572	0.00	EIB	(5,740,231)	0	2,555,035	18,225	26,913	32,877	133,500	(2,973,681)	3,069,045	-0.33	
PVS	0	0	0	0	0	0	6,306	6,306	442,860	0.00	GAS	0	(163,682)	0	0	0	(5,049)	0	(168,731)	235,010	-0.72	
DCM	0	0	0	0	0	(4,422)	8,499	4,077	3,109,151	0.00	FPT	(1,148,388)	190,295	0	0	0	(5,403)	5,577	(957,919)	1,013,274	-0.85	
FTS	0	0	0	3,125	0	0	0	3,125	2,596,851	0.00	MSB	(16,259,815)	0	(603,810)	9,607	10,106	4,039	12,267	(16,827,606)	10,822,164	-1.55	
CII	0	0	0	0	3,257	3,192	0	6,449	5,929,681	0.00	BCM	0	(174,735)	0	0	0	(10,100)	0	(184,835)	88,118	-2.10	
DXG	0	0	0	0	(4,884)	19,183	0	14,299	18,007,714	0.00	THD	0	0	0	0	0	(35,223)	0	(35,223)	137,300	-2.57	
GEX	0	0	0	0	(713)	4,067	3,523	6,877	9,568,846	0.00	ACB	(14,189,303)	(144,522)	(97,853)	(2,934)	0	18,257	(7,060)	(14,423,415)	5,108,322	-2.82	
KBC	0	0	0	0	(3,012)	1,317	2,028	333	6,151,809	0.00	OCB	(3,551,892)	0	(103,371)	(1,738)	(4,184)	17,848	(70,788)	(3,714,125)	1,268,766	-2.93	
VIX	0	0	0	(1,977)	0	0	0	(1,977)	11,974,173	(0.00)	REE	(1,682,993)	0	0	0	1,019	(10,354)	16,080	(1,676,248)	341,801	-4.90	

Chỉ ghi chú: Dữ liệu cập nhật tại ngày 17/04/2023 trên cơ sở thông tin Hose công bố

Nguồn: BSC Research

Ghi chú: Dữ liệu cập nhật tại ngày 17/04/2023 trên cơ sở số thông tin Hose công bố

Nguồn: BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các ETF nội kỳ cơ cấu tháng 04/2023

2. Chi tiết mua/bán các ETF tham chiếu VN30 Index

DỰ BÁO DANH MỤC MUA/BÁN CỔ PHIẾU CÁC ETF THAM CHIẾU VN30-INDEX KỲ THÁNG 04/2023														
Mã CK	E1VFN30			FUESSVN30			FUEMAVN30			FUEKIV30			Tổng	
	Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)
ACB	-0.05%	(4.01)	(160,391)	0.10%	0.09	3,744	-0.04%	(0.13)	(5,251)	0.14%	0.43	17,375	(3.61)	(144,522)
BCM	-0.12%	(10.12)	(127,503)	-0.29%	(0.27)	(3,364)	-0.28%	(0.97)	(12,238)	-0.82%	(2.51)	(31,631)	(13.87)	(174,735)
BID	-0.10%	(8.09)	(179,680)	0.20%	0.19	4,143	-0.22%	(0.75)	(16,648)	0.24%	0.74	16,534	(7.90)	(175,650)
BVH	0.08%	6.68	141,439	-0.03%	(0.03)	(585)	-0.06%	(0.21)	(4,403)	-0.35%	(1.07)	(22,688)	5.37	113,763
CTG	-0.04%	(3.19)	(109,179)	0.04%	0.04	1,315	-0.06%	(0.20)	(6,883)	-0.05%	(0.15)	(5,043)	(3.50)	(119,790)
FPT	0.18%	15.05	189,096	0.51%	0.47	5,879	-0.40%	(1.38)	(17,364)	0.33%	1.01	12,684	15.15	190,295
GAS	-0.18%	(14.85)	(152,782)	0.15%	0.14	1,437	0.10%	0.35	3,638	-0.51%	(1.55)	(15,975)	(15.91)	(163,682)
GVR	-0.01%	(0.92)	(59,601)	0.01%	0.01	537	0.04%	0.13	8,757	0.02%	0.06	3,777	(0.72)	(46,529)
HDB	-0.03%	(2.82)	(145,893)	0.02%	0.01	775	0.00%	(0.01)	(661)	-0.07%	(0.23)	(11,678)	(3.04)	(157,457)
HPG	-0.02%	(1.81)	(86,877)	0.16%	0.15	6,966	0.07%	0.24	11,327	0.23%	0.70	33,494	(0.73)	(35,091)
MBB	-0.03%	(2.12)	(116,140)	0.08%	0.08	4,254	-0.09%	(0.30)	(16,166)	-0.07%	(0.20)	(10,954)	(2.54)	(139,006)
MSN	0.12%	10.34	132,446	0.08%	0.08	984	-0.15%	(0.51)	(6,472)	0.36%	1.11	14,246	11.03	141,204
MWG	0.05%	4.40	110,379	-0.04%	(0.03)	(860)	0.04%	0.15	3,698	0.21%	0.65	16,320	5.16	129,536
NVL	0.05%	4.16	281,370	0.13%	0.12	8,047	0.04%	0.14	9,301	0.31%	0.95	64,029	5.37	362,746
PDR	0.04%	3.14	225,642	0.10%	0.09	6,437	0.11%	0.37	26,738	0.02%	0.05	3,857	3.65	262,673
PLX	0.04%	3.76	104,045	0.16%	0.15	4,191	-0.16%	(0.54)	(14,846)	-0.09%	(0.26)	(7,207)	3.11	86,184
POW	0.04%	3.19	239,036	0.06%	0.05	3,998	0.06%	0.20	15,064	0.01%	0.03	1,875	3.47	259,973
SAB	0.20%	16.90	103,048	-0.16%	(0.14)	(883)	-0.18%	(0.61)	(3,747)	-1.28%	(3.91)	(23,831)	12.23	74,588
SSI	0.07%	6.13	287,084	0.06%	0.06	2,721	0.17%	0.60	28,062	0.04%	0.13	6,208	6.92	324,075
STB	0.07%	5.55	214,330	0.03%	0.02	936	0.04%	0.13	4,860	0.30%	0.91	35,005	6.61	255,131
TCB	0.16%	13.47	457,337	0.13%	0.12	4,085	0.03%	0.11	3,656	0.29%	0.89	30,238	14.59	495,317
TPB	-0.05%	(4.39)	(191,045)	-0.01%	(0.01)	(502)	0.12%	0.41	17,646	0.12%	0.36	15,615	(3.64)	(158,286)
VCB	0.08%	7.02	79,439	0.41%	0.38	4,296	0.26%	0.91	10,323	0.64%	1.97	22,283	10.28	116,341
VHM	0.08%	6.82	135,524	0.34%	0.31	6,229	0.11%	0.39	7,666	0.27%	0.83	16,513	8.35	165,933
VIB	-0.07%	(5.77)	(279,368)	0.04%	0.04	1,820	-0.09%	(0.31)	(14,901)	0.02%	0.06	3,106	(5.97)	(289,342)
VIC	0.92%	77.00	1,455,660	1.02%	0.94	17,712	0.77%	2.67	50,400	1.30%	3.98	75,243	84.59	1,599,014
VJC	-0.09%	(7.82)	(78,529)	0.36%	0.33	3,283	0.22%	0.75	7,510	-0.21%	(0.65)	(6,559)	(7.40)	(74,295)
VNM	-0.21%	(17.18)	(239,642)	0.25%	0.23	3,255	0.01%	0.05	695	-0.47%	(1.42)	(19,861)	(18.32)	(255,553)
VPB	-0.05%	(4.01)	(196,031)	0.08%	0.08	3,680	-0.18%	(0.62)	(30,079)	-0.12%	(0.36)	(17,643)	(4.91)	(240,074)
VRE	-0.02%	(2.07)	(73,244)	0.10%	0.09	3,086	0.00%	(0.02)	(586)	0.03%	0.08	2,723	(1.93)	(68,022)

Ghi chú: Dữ liệu cập nhật tại ngày 17/04/2023 trên cơ sở thông tin Hose công bố

Nguồn: BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các ETF nội kỳ cơ cấu tháng 04/2023

3. Chi tiết mua/bán các ETF tham chiếu VN-Diamond Index

DỰ BÁO DANH MỤC MUA/BÁN CỔ PHIẾU CÁC ETF THAM CHIẾU DIAMOND-INDEX KỲ THÁNG 04/2023

Mã CK	FUEVFNVD			FUEMAVND			Tổng		Ghi chú
	Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	
ACB	-1.91%	(353.44)	(14,137,716)	-1.85%	(1.29)	(51,588)	(354.73)	(14,189,303)	
CTG	0.90%	167.07	5,721,689	0.81%	0.57	19,404	167.64	5,741,093	
DHC	0.15%	27.44	664,460	-0.07%	(0.05)	(1,217)	27.39	663,243	
FPT	-0.49%	(91.25)	(1,146,351)	-0.23%	(0.16)	(2,037)	(91.41)	(1,148,388)	
GMD	1.21%	224.39	4,155,423	-0.13%	(0.09)	(1,677)	224.30	4,153,747	
KDH	0.18%	32.51	1,113,281	-0.03%	(0.02)	(829)	32.48	1,112,452	
MBB	0.60%	111.72	6,121,450	0.46%	0.32	17,705	112.04	6,139,155	
MSB	-1.11%	(205.72)	(16,198,238)	-1.12%	(0.78)	(61,577)	(206.50)	(16,259,815)	
MWG	0.61%	113.46	2,847,161	0.51%	0.36	8,974	113.82	2,856,135	
NLG	0.59%	109.14	3,595,963	0.64%	0.45	14,699	109.58	3,610,662	
OCB	-0.31%	(58.08)	(3,541,530)	-0.24%	(0.17)	(10,361)	(58.25)	(3,551,892)	
PNJ	0.55%	102.26	1,309,348	0.92%	0.64	8,242	102.90	1,317,590	
REE	-0.62%	(114.17)	(1,683,860)	0.08%	0.06	867	(114.11)	(1,682,993)	
TCB	0.63%	117.11	3,976,440	0.23%	0.16	5,494	117.27	3,981,934	
TPB	0.23%	41.83	1,818,672	0.30%	0.21	8,978	42.04	1,827,649	
VIB	0.25%	45.59	2,207,568	0.29%	0.20	9,670	45.79	2,217,238	
VPB	0.52%	97.22	4,754,278	0.53%	0.37	18,253	97.60	4,772,532	
EIB	-0.61%	(113.09)	(5,726,085)	-0.40%	(0.28)	(14,146)	(113.37)	(5,740,231)	Bị loại

Ghi chú: Dữ liệu cập nhật tại ngày 17/04/2023 trên cơ sở thông tin Hose công bố

Nguồn: BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các ETF nội kỳ cơ cấu tháng 04/2023

4. Chi tiết mua/bán các ETF tham chiếu VN-Finlead, VN-FinSelect Index

DỰ BÁO DANH MỤC MUA/BÁN CỔ PHIẾU CÁC ETF THAM CHIẾU VN-FINLEAD VÀ VN-FINSELECT KỲ THÁNG 04/2023

FUSSVFL					FUEKIVFS									
Mã CK	Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Ghi chú	Mã CK	Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Mã CK	Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Ghi chú	
ACB	-0.06%	(2.45)	(97,853)		ACB	-0.10%	(0.07)	(2,934)	TCB	0.14%	0.10	3,448		
BID	0.19%	7.23	160,711		AGR	-0.01%	(0.01)	(805)	TPB	0.07%	0.05	2,304		
BVH	-0.12%	(4.52)	(95,684)		BID	-0.16%	(0.11)	(2,507)	VCB	-0.18%	(0.13)	(1,450)		
CTG	-0.52%	(20.22)	(692,390)		BMI	-0.15%	(0.11)	(4,502)	VCI	0.01%	0.01	169		
EIB	1.31%	50.46	2,555,035		BSI	-0.19%	(0.13)	(4,966)	VDS	0.00%	(0.00)	(312)		
HCM	0.23%	8.72	341,105		BVH	-0.03%	(0.02)	(403)	VIB	-0.08%	(0.05)	(2,608)		
HDB	-0.15%	(5.61)	(290,466)		CTG	0.14%	0.10	3,537	VIX	-0.02%	(0.02)	(1,977)		
LPB	0.11%	4.12	288,106		CTS	-0.09%	(0.07)	(3,989)	VND	0.00%	(0.00)	(164)		
MBB	-1.27%	(49.10)	(2,690,440)		EIB	0.50%	0.36	18,225	VPB	0.06%	0.05	2,230		
MSB	-0.20%	(7.67)	(603,810)		FTS	0.12%	0.08	3,125						
OCB	-0.04%	(1.70)	(103,371)		HCM	0.00%	0.00	72						
SHB	0.44%	16.90	1,432,305		HDB	-0.04%	(0.03)	(1,646)						
SSB	0.20%	7.63	243,455		LPB	-0.07%	(0.05)	(3,508)						
SSI	0.76%	29.43	1,378,608		MBB	-0.09%	(0.06)	(3,560)						
STB	0.46%	17.58	678,763		MIG	-0.04%	(0.03)	(1,710)						
TCB	-1.15%	(44.44)	(1,509,138)		MSB	0.17%	0.12	9,607						
TPB	0.08%	3.05	132,679		OCB	-0.04%	(0.03)	(1,738)						
VCB	0.56%	21.52	243,447		ORS	-0.07%	(0.05)	(4,489)						
VCI	0.32%	12.24	392,856		SHB	0.00%	(0.00)	(167)						
VIB	0.32%	12.54	607,503		SSB	0.69%	0.49	15,655						
VND	0.63%	24.19	1,623,700		SSI	-0.04%	(0.03)	(1,499)						
VPB	-0.33%	(12.70)	(621,218)		STB	-0.04%	(0.03)	(1,206)						

Ghi chú: Dữ liệu cập nhật tại ngày 17/04/2023 trên cơ sở thông tin Hose công bố

Nguồn: BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các ETF nội kỳ cơ cấu tháng 04/2023

5. Chi tiết mua/bán các ETF tham chiếu VN-Midcap

DỰ BÁO DANH MỤC MUA/BÁN CỔ PHIẾU CÁC ETF THAM CHIẾU VN-MIDCAP-INDEX KỲ THÁNG 04/2023

Mã CK	Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Ghi chú	Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Ghi chú
AAA	-0.02%	(0.02)	(2,093)		KOS	0.31%	0.24	6,408
AGG	0.11%	0.09	3,140		LPB	-0.24%	(0.19)	(13,160)
ASM	-0.01%	(0.01)	(1,301)		MSB	0.16%	0.13	10,106
BCG	-0.04%	(0.03)	(4,262)		NKG	-0.02%	(0.01)	(843)
BMP	-0.21%	(0.17)	(2,676)		NLG	0.13%	0.10	3,357
BWE	0.06%	0.05	1,118		NT2	-0.11%	(0.09)	(3,105)
CII	0.06%	0.05	3,257		OCB	-0.09%	(0.07)	(4,184)
CMG	0.09%	0.07	1,687		PAN	-0.07%	(0.05)	(3,002)
CTD	-0.09%	(0.07)	(1,527)		PC1	0.07%	0.05	1,876
CTR	-0.17%	(0.13)	(2,025)		PHR	-0.02%	(0.02)	(475)
DBC	0.09%	0.07	4,619		PNJ	0.44%	0.34	4,383
DCM	-0.14%	(0.11)	(4,422)		PTB	-0.12%	(0.09)	(2,136)
DGC	0.23%	0.18	3,425		PVD	-0.04%	(0.03)	(1,479)
DGW	-0.10%	(0.08)	(2,507)		PVT	0.03%	0.02	1,084
DHC	0.03%	0.02	490		REE	0.09%	0.07	1,019
DIG	0.19%	0.15	8,900		SAM	0.02%	0.02	3,088
DPM	0.17%	0.13	3,889		SBT	-0.13%	(0.10)	(6,431)
DXG	-0.08%	(0.06)	(4,884)		SCR	-0.02%	(0.01)	(1,934)
EIB	0.68%	0.53	26,913		SCS	-0.22%	(0.17)	(2,595)
FRT	0.22%	0.17	2,620		SHB	-0.06%	(0.05)	(4,181)
GEG	-0.13%	(0.10)	(6,994)		SJS	0.10%	0.08	1,946
GEX	-0.01%	(0.01)	(713)		SSB	1.04%	0.82	26,077
GMD	0.20%	0.16	2,881		TCH	-0.02%	(0.01)	(1,947)
HBC	-0.39%	(0.31)	(38,190)	Bị loại	VCG	-0.05%	(0.04)	(2,124)
HCM	-0.15%	(0.12)	(4,684)		VCI	0.00%	0.00	72
HDG	-0.23%	(0.18)	(5,533)		VGC	-0.42%	(0.33)	(9,509) bị loại
HSG	0.20%	0.15	9,859		VHC	-0.10%	(0.08)	(1,325)
KBC	-0.10%	(0.08)	(3,012)		VND	-0.02%	(0.02)	(1,280)
KDC	0.00%	0.00	44		VPI	0.08%	0.06	1,174
KDH	0.09%	0.07	2,543		VSH	-0.03%	(0.03)	(632)

Ghi chú: Dữ liệu cập nhật tại ngày 17/04/2023 trên cơ sở thông tin Hose công bố

Nguồn: BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các ETF nội kỳ cơ cấu tháng 04/2023

6. Chi tiết mua/bán các ETF tham chiếu VN100-Index

DỰ BÁO DANH MỤC MUA/BÁN CỔ PHIẾU CÁC ETF THAM CHIẾU VN100-INDEX KỲ THÁNG 04/2023																					
FUEVN100					FUEIP100			Tổng		Ghi chú	FUEVN100					FUEIP100			Tổng		Ghi chú
Mã CK	Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Mã CK		Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)			
ACB	0.20%	0.49	19,514	-0.07%	(0.03)	(1,257)	0.46	18,257	NVL	0.06%	0.15	9,999	0.14%	0.06	3,973	0.21	13,972				
BCM	-0.36%	(0.90)	(11,321)	0.23%	0.10	1,221	(0.80)	(10,100)	OCB	0.12%	0.31	18,788	-0.04%	(0.02)	(940)	0.29	17,848				
BID	-0.02%	(0.06)	(1,314)	0.04%	0.02	341	(0.04)	(973)	PC1	-0.09%	(0.23)	(8,113)	-0.06%	(0.03)	(922)	(0.25)	(9,034)				
BVH	-0.12%	(0.29)	(6,087)	-0.41%	(0.17)	(3,623)	(0.46)	(9,710)	PDR	-0.01%	(0.02)	(1,151)	0.11%	0.05	3,449	0.03	2,239				
BWE	-0.15%	(0.37)	(8,520)	0.17%	0.07	1,707	(0.29)	(6,812)	PLX	0.01%	0.03	729	-0.18%	(0.08)	(2,098)	(0.05)	(1,370)				
CII	0.01%	0.03	2,239	0.03%	0.01	953	0.05	3,192	PNJ	0.51%	1.28	16,345	0.46%	0.19	2,495	1.47	18,840				
CTG	0.17%	0.43	14,609	-0.11%	(0.05)	(1,576)	0.38	13,033	POW	-0.69%	(1.73)	(129,663)	0.19%	0.08	5,888	(1.65)	(123,775)				
CTR	-0.30%	(0.75)	(11,616)	0.18%	0.08	1,181	(0.67)	(10,435)	PVD	0.06%	0.14	6,834	0.08%	0.03	1,571	0.17	8,405				
DBC	-0.03%	(0.09)	(5,425)	-0.01%	(0.01)	(380)	(0.09)	(5,805)	PVT	-0.08%	(0.19)	(9,422)	-0.05%	(0.02)	(978)	(0.21)	(10,400)				
DCM	0.04%	0.11	4,595	0.22%	0.09	3,904	0.21	8,499	REE	-0.25%	(0.63)	(9,282)	-0.17%	(0.07)	(1,072)	(0.70)	(10,354)				
DGC	0.04%	0.10	1,814	0.11%	0.05	861	0.14	2,675	SAB	-0.43%	(1.08)	(6,565)	-1.46%	(0.62)	(3,762)	(1.69)	(10,327)				
DGW	-0.04%	(0.09)	(2,702)	-0.25%	(0.10)	(3,172)	(0.19)	(5,874)	SBT	-0.05%	(0.13)	(8,494)	0.08%	0.03	2,150	(0.10)	(6,345)				
DIG	0.04%	0.10	6,277	0.30%	0.13	7,795	0.23	14,072	SHB	0.00%	0.01	679	-0.08%	(0.03)	(2,747)	(0.02)	(2,068)				
DPM	-0.09%	(0.22)	(6,502)	-0.05%	(0.02)	(606)	(0.24)	(7,108)	SSB	0.33%	0.83	26,459	0.37%	0.16	5,015	0.99	31,474				
DXG	0.05%	0.13	10,437	0.26%	0.11	8,746	0.24	19,183	SSI	0.15%	0.36	17,027	0.13%	0.05	2,485	0.42	19,512				
EIB	0.22%	0.56	28,119	0.22%	0.09	4,757	0.65	32,877	STB	0.16%	0.40	15,623	-0.09%	(0.04)	(1,431)	0.37	14,192				
FPT	-0.13%	(0.33)	(4,167)	-0.23%	(0.10)	(1,235)	(0.43)	(5,403)	TCB	0.20%	0.49	16,531	-0.01%	(0.01)	(213)	0.48	16,318				
FRT	-0.18%	(0.45)	(6,923)	0.30%	0.13	1,922	(0.33)	(5,001)	TCH	-0.01%	(0.03)	(4,572)	0.11%	0.04	6,099	0.01	1,527				
GAS	-0.08%	(0.20)	(2,053)	-0.69%	(0.29)	(2,996)	(0.49)	(5,049)	TPB	-0.02%	(0.06)	(2,666)	-0.05%	(0.02)	(1,002)	(0.08)	(3,668)				
GEX	0.03%	0.06	4,889	-0.02%	(0.01)	(822)	0.05	4,067	VCB	-0.06%	(0.16)	(1,808)	-0.39%	(0.17)	(1,882)	(0.33)	(3,690)				
GMD	-0.18%	(0.44)	(8,152)	0.29%	0.12	2,295	(0.32)	(5,857)	VCG	-0.03%	(0.06)	(3,218)	-0.01%	(0.00)	(112)	(0.06)	(3,330)				
GVR	-0.06%	(0.14)	(9,366)	-0.04%	(0.02)	(1,036)	(0.16)	(10,402)	VCI	-0.03%	(0.07)	(2,113)	-0.18%	(0.07)	(2,390)	(0.14)	(4,504)				
HCM	0.03%	0.07	2,752	0.07%	0.03	1,126	0.10	3,878	VHC	-0.05%	(0.12)	(2,014)	-0.40%	(0.17)	(2,820)	(0.29)	(4,834)				
HDB	0.05%	0.14	7,072	-0.02%	(0.01)	(335)	0.13	6,737	VHM	0.12%	0.29	5,780	-0.25%	(0.11)	(2,127)	0.18	3,652				
HDG	0.04%	0.09	2,900	-0.16%	(0.07)	(2,107)	0.03	793	VIB	-0.02%	(0.05)	(2,323)	0.10%	0.04	2,060	(0.01)	(263)				
HNG	-0.19%	(0.47)	(107,738)	0.00%	0.00	0	(0.47)	(107,738)	VIC	0.69%	1.72	32,534	0.63%	0.27	5,026	1.99	37,560				
HPG	0.21%	0.52	25,113	0.16%	0.07	3,237	0.59	28,350	VJC	-0.31%	(0.76)	(7,643)	0.54%	0.23	2,309	(0.53)	(5,333)				
HSG	-0.02%	(0.04)	(2,529)	0.34%	0.15	9,313	0.11	6,784	VND	-0.04%	(0.10)	(6,523)	-0.06%	(0.02)	(1,670)	(0.12)	(8,193)				
KBC	0.02%	0.06	2,418	-0.07%	(0.03)	(1,101)	0.03	1,317	VNM	-0.14%	(0.35)	(4,914)	0.23%	0.10	1,347	(0.26)	(3,567)				
KDC	-0.25%	(0.62)	(10,053)	-0.17%	(0.07)	(1,157)	(0.70)	(11,211)	VPB	0.17%	0.41	20,218	0.02%	0.01	324	0.42	20,542				
KDH	0.10%	0.25	8,612	0.17%	0.07	2,469	0.32	11,081	VPI	0.01%	0.01	252	-0.32%	(0.14)	(2,509)	(0.12)	(2,256)				
LPB	0.04%	0.10	6,761	-0.14%	(0.06)	(4,170)	0.04	2,591	VRE	-0.11%	(0.28)	(9,912)	-0.15%	(0.06)	(2,274)	(0.34)	(12,185)				
MBB	0.05%	0.13	6,885	-0.06%	(0.03)	(1,379)	0.10	5,506	HBC	0.00%	0.00	0	-0.11%	(0.05)	(5,804)	(0.05)	(5,804)				
MSB	0.00%	(0.00)	(241)	0.13%	0.05	4,280	0.05	4,039	HPX	0.08%	0.19	45,079	0.02%	0.01	1,553	0.19	46,632				
MSN	0.02%	0.04	534	0.31%	0.13	1,658	0.17	2,192	NT2	0.17%	0.44	15,058	-0.22%	(0.09)	(3,139)	0.35	11,919				
MWG	0.09%	0.22	5,412	-0.21%	(0.09)	(2,262)	0.13	3,150	PAN	0.17%	0.43	23,674	-0.08%	(0.03)	(1,777)	0.40	21,897				
NKG	-0.02%	(0.04)	(2,659)	0.00%	0.00	120	(0.04)	(2,539)	SAM	0.16%	0.40	66,249	0.08%	0.03	5,580	0.43	71,829				
NLG	-0.09%	(0.22)	(7,380)	0.17%	0.07	2,368	(0.15)	(5,012)	SCR	0.15%	0.37	51,740	0.05%	0.02	2,800	0.39	54,539				

Ghi chú: Dữ liệu cập nhật tại ngày 17/04/2023 trên cơ sở thông tin Hose công bố

Nguồn: BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các ETF nội kỳ cơ cấu tháng 04/2023

7. Chi tiết mua/bán các ETF tham chiếu VNX50-Index

DỰ BÁO DANH MỤC MUA/BÁN CỔ PHIẾU CÁC ETF THAM CHIẾU VNX50-INDEX KỲ THÁNG 04/2023

Mã CK	Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Ghi chú	Mã CK	Tỷ trọng chênh lệch (%)	Giá trị thay đổi (Tỷ VND)	SLCP mua/bán (Cổ phiếu)	Ghi chú
ACB	-0.13%	(0.18)	(7,060)		PNJ	0.10%	0.13	1,719	
BVH	-0.06%	(0.07)	(1,583)		POW	0.07%	0.09	6,888	
CTG	0.05%	0.06	2,102		PVD	0.11%	0.15	7,446	
DGC	0.20%	0.26	4,885		PVS	0.12%	0.16	6,306	
DIG	0.13%	0.18	10,786		SBT	0.01%	0.01	909	
FPT	0.33%	0.44	5,577		SHB	-0.01%	(0.01)	(971)	
GEX	0.03%	0.05	3,523		SSB	0.30%	0.41	12,966	
GMD	0.03%	0.04	831		SSI	0.01%	0.01	508	
HCM	0.11%	0.15	5,750		STB	0.11%	0.15	5,616	
HDB	-0.02%	(0.03)	(1,355)		TCB	0.11%	0.15	5,122	
HPG	-0.03%	(0.03)	(1,648)		TCH	-0.19%	(0.25)	(34,401)	Bị loại
HSG	0.09%	0.12	7,486		THD	-1.04%	(1.39)	(35,223)	Bị loại
IDC	0.12%	0.16	4,192		TPB	-0.05%	(0.06)	(2,628)	
KBC	0.04%	0.05	2,028		VCB	-0.03%	(0.04)	(492)	
KDC	0.31%	0.42	6,707		VCI	0.11%	0.14	4,520	
KDH	0.09%	0.11	3,891		VHC	0.03%	0.04	711	
LPB	-0.08%	(0.10)	(7,129)		VHM	0.17%	0.22	4,397	
MBB	-0.08%	(0.11)	(5,918)		VIB	-0.01%	(0.01)	(666)	
MSB	0.12%	0.16	12,267		VIC	0.72%	0.96	18,176	
MSN	0.16%	0.21	2,736		VJC	0.08%	0.11	1,103	
MWG	0.13%	0.17	4,201		VND	0.05%	0.06	4,067	
NLG	0.22%	0.30	9,885		VNM	0.19%	0.25	3,468	
NVL	0.07%	0.09	5,956		VPB	-0.07%	(0.09)	(4,512)	
OCB	-0.87%	(1.16)	(70,788)	Bị loại	VRE	0.05%	0.06	2,270	
PDR	0.05%	0.06	4,468		EIB	1.98%	2.64	133,500	
PLX	0.11%	0.14	3,904		REE	0.82%	1.09	16,080	
					VGC	0.12%	0.16	4,508	

Ghi chú: Dữ liệu cập nhật tại ngày 17/04/2023 trên cơ sở thông tin Hose công bố

Nguồn: BSC Research

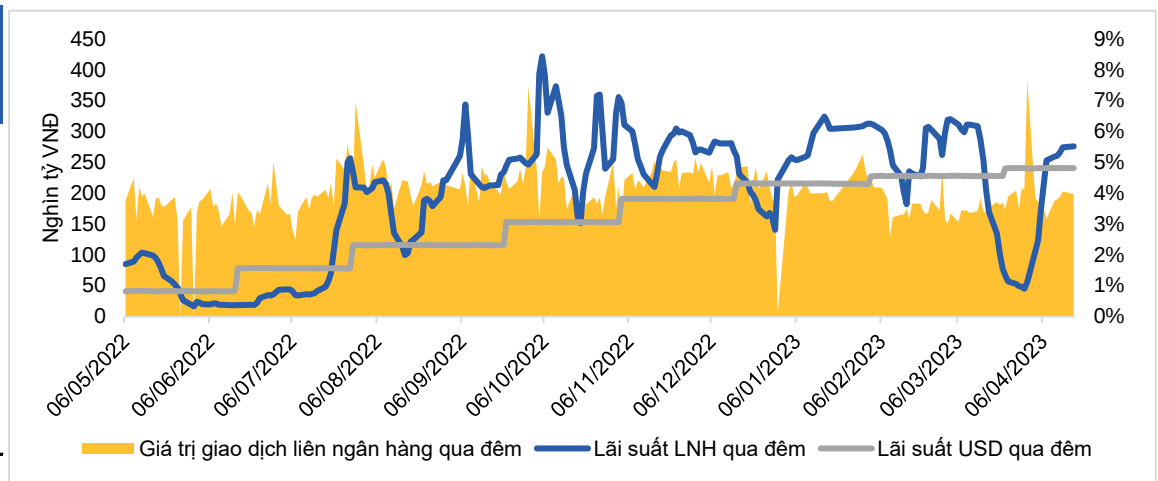
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 9	27/2/2023	3/3/2023	108,858.72	106,932.02	-1,926.70
Tuần 10	6/3/2023	10/3/2023	124,881.99	95,623.96	-29,258.03
Tuần 11	13/3/2023	17/3/2023	34,238.39	86,704.95	52,466.56
Tuần 12	20/3/2023	24/3/2023	2,118.67	215.50	-1,903.17
Tuần 13	27/3/2023	31/3/2023	0.00	0.00	0.00
Tuần 14	3/4/2023	7/4/2023	0.00	4,398.93	4,398.93
Tuần 15	10/4/2023	14/4/2023	986.48	66,781.34	65,794.86
Tuần 16	17/4/2023	21/4/2023	29,591.92	7,285.88	-22,306.04

Nguồn: BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	5.52%	5.52%	5.95%	5.83%	6.55%	8.33%	8.84%
So với tuần trước	0.22%	0.16%	0.82%	0.19%	-0.00%	-0.36%	0.45%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	198,785.00	14,015	2,840	1,760	2,355	38	4
So với tuần trước	2.61%	-12.64%	-21.68%	-46.38%	-5.56%	-66.74%	-95%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 17/04/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 16, 0 giá trị tín phiếu được phát hành. Đồng thời, SBV đã thực hiện mua 7.29 nghìn tỷ giá trị giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã hút ròng 22.31 nghìn tỷ đồng.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 5.52%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 198.79 nghìn tỷ VNĐ

PTKT VN-INDEX: VN-Index tiếp tục suy yếu hướng về vùng tích lũy thấp hơn từ 1,020 -1,030 điểm

Đồ thị ngày: VN-Index ghi nhận 3/5 cây nến doji và 2 cây nến đen thân dài trong tuần cho thấy lực bán đã dứt khoát hơn sau những phiên giằng co không xác định. Sau khi giảm dưới SMA20 và 50 tuần trước, VN-Index cũng tiếp tục giảm dưới SMA100. Các chỉ báo kỹ thuật giảm dưới mức trung bình, diễn biến suy yếu dần và chỉ số vẫn hướng xuống vùng tích lũy thấp hơn 1,020 -1,030 điểm.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm 44 xuống 40 điểm.
- MACD nằm dưới đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản giảm 33% so tuần trước.
- VN-Index giảm dưới SMA20, 50 và SMA100.

Nhận định: Sau khi liên tiếp có những phiên giảm dứt khoát dưới SMA50 và SMA100, chỉ số đang trở lại kiểm tra vùng đáy ngắn hạn 1,020 -1,030 điểm. Thanh khoản thấp do tâm lý thận trọng trước kỳ nghỉ Lễ, khối ngoại bán ròng và KQKD quý I không tích cực sẽ gây khó khăn cho chỉ số trong quá trình dò đáy ngắn hạn. Tuy nhiên xét về trung hạn chỉ số vẫn cơ bản vận động xung quanh ngưỡng 1,050 điểm $\pm$ 30 điểm. Do vậy, lực cầu nhiều khả năng sẽ xuất hiện vùng giá thấp đẩy chỉ số trở lại mức bình quân trên.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: Chính phủ đồng ý với đề xuất tiếp tục giảm thuế giá trị gia tăng

VIỆT NAM:

- Chính phủ đồng ý với đề xuất tiếp tục giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) và yêu cầu Bộ Tài chính khẩn trương chuẩn bị để trình Quốc hội ban hành Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn.
- Bộ Tài chính: dự kiến ngân sách nhà nước giảm thu khoảng 35,000 tỷ đồng trong 6 tháng cuối năm khi áp dụng phương án giảm thuế suất thuế VAT xuống 8%.
- Bộ Tài chính: hơn 500,000 tỷ tiền ngân sách "hồi sức" doanh nghiệp, người dân trong 3 năm trước được nối dài hỗ trợ sang năm 2023.
- Bộ Tài chính: 70 doanh nghiệp FDI sẽ phải nộp thêm 12,000 tỷ đồng tiền thuế năm 2024 nếu Việt Nam thực thi thuế tối thiểu toàn cầu.
- Bộ Tài chính: sẽ đề xuất giảm thêm 35 khoản phí, lệ phí nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Trong đó, số tiền miễn, giảm là 77.2 nghìn tỉ đồng và số tiền gia hạn là 121.2 nghìn tỉ đồng.
- Bộ Tài chính: năm 2023, tổng giá trị các cơ chế chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp lên tới 198,4 nghìn tỷ đồng, bao gồm các chính sách đã xây dựng từ trước và các chính sách đang đề xuất.
- Bộ Tài chính: tỷ lệ nợ công của Việt Nam so với GDP có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Từ 58.3% GDP (năm 2018) xuống còn 55.9% GDP năm 2020 và đến năm 2021 chỉ còn 43.1%.
- NHNN: vừa hoàn thành dự thảo Thông tư Quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho các khách hàng, góp phần phát triển hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trước 25/4/2023.
- Tổng cục Hải quan: tổng trị giá XNK hàng hóa của cả nước trong T3.2023 đạt 58.03 tỷ USD, tăng 17.7% MoM (tương ứng tăng 8.73 tỷ USD); Lũy kế Q1.2023 đạt 153.79 tỷ USD, giảm 13.5% YoY (tương ứng giảm 24.10 tỷ USD) YoY.

THẾ GIỚI:

- Biên bản cuộc họp về lãi suất chiết khấu của Fed: Hội đồng Fed ở Cleveland, St. Louis và Minneapolis đã hy vọng tăng lãi suất chiết khấu thêm 50 BP trước cuộc họp tháng 3 của Fed.
- Sách màu be của FED: Hiện tại, tốc độ tăng trưởng việc làm ở Hoa Kỳ đang chậm lại, thị trường lao động đang thắt chặt và kỳ vọng về tăng trưởng kinh tế trong tương lai về cơ bản không thay đổi.
- Hoa Kỳ: tỷ lệ doanh số bán lẻ hàng tháng ghi nhận -1% trong tháng 3, mức thấp kỷ lục kể từ tháng 11 năm ngoái.
- Hoa Kỳ: số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu nhiều hơn một chút so với dự kiến vào tuần trước, số đơn xin trợ cấp liên tục tiếp tục tăng.
- Hoa Kỳ: doanh số bán nhà tháng 3 ghi nhận 4.44 triệu, thấp hơn 4.5 triệu dự kiến.
- Brookfield (DN BĐS lớn của Hoa Kỳ): vỡ nợ 161.4 triệu đô la cho các khoản vay thế chấp cho mười hai tòa nhà văn phòng, chủ yếu ở Washington. Nhà Trắng cho biết họ sẽ theo dõi sát sao BĐS thương mại.
- Bộ trưởng Tài chính Hoa Kỳ: các ngân hàng có thể trở nên thận trọng hơn và siết tín dụng sau một vài vụ sụp đổ. Điều này có thể hỗ trợ thêm cho quá trình kéo giảm lạm phát của Fed.
- Eurozone: cán cân thương mại tháng 2 thâm hụt 0.1 tỷ EUR, trước đó thâm hụt 11.3 tỷ EUR.
- Eurozone: CPI tháng 3 +6.9%, CPI lõi +5.7%. Không có thay đổi so với ước tính ban đầu vì lạm phát cơ bản cao vẫn đang cho thấy một đợt tăng lãi suất khác của ECB sẽ diễn ra vào tháng tới.
- Anh: CPI tiếp tục ở mức 2 con số trong tháng 3 khi đạt 13.5%, cao hơn con số kỳ vọng 13.3%.
- Trung Quốc đã giảm nắm giữ nợ của Hoa Kỳ trong tháng thứ bảy liên tiếp và tổng quy mô vẫn ở mức thấp gần 13 năm xuống còn 848,8 tỷ USD.
- Trung Quốc: giá nhà mới tháng 3 tăng 0.5% YoY, đây là mức tăng tháng thứ 3 liên tiếp.
- Trung Quốc: GDP Q1.2023 +4.5% svck năm trước, con số dự kiến là +4%. Sự tăng trưởng phần lớn đến từ việc dỡ bỏ lệnh phong tỏa Covid-19, dẫn đến sự phục hồi cho nền kinh tế.
- Mitsui Sumitomo: phát hành trái phiếu AT1 ngân hàng lớn đầu tiên kể từ khi Credit Suisse phá sản.
- Nga tăng thuế xuất khẩu dầu lên 14.4 USD/tấn từ ngày 1/5.
- Nga: lạm phát tiêu dùng hàng năm ở mức 2.82% tính đến ngày 17/4, giảm từ 3.15% một tuần trước đó.
- Nhật Bản: CPI lõi toàn quốc tháng 3 đạt 3.1% như con số dự báo.

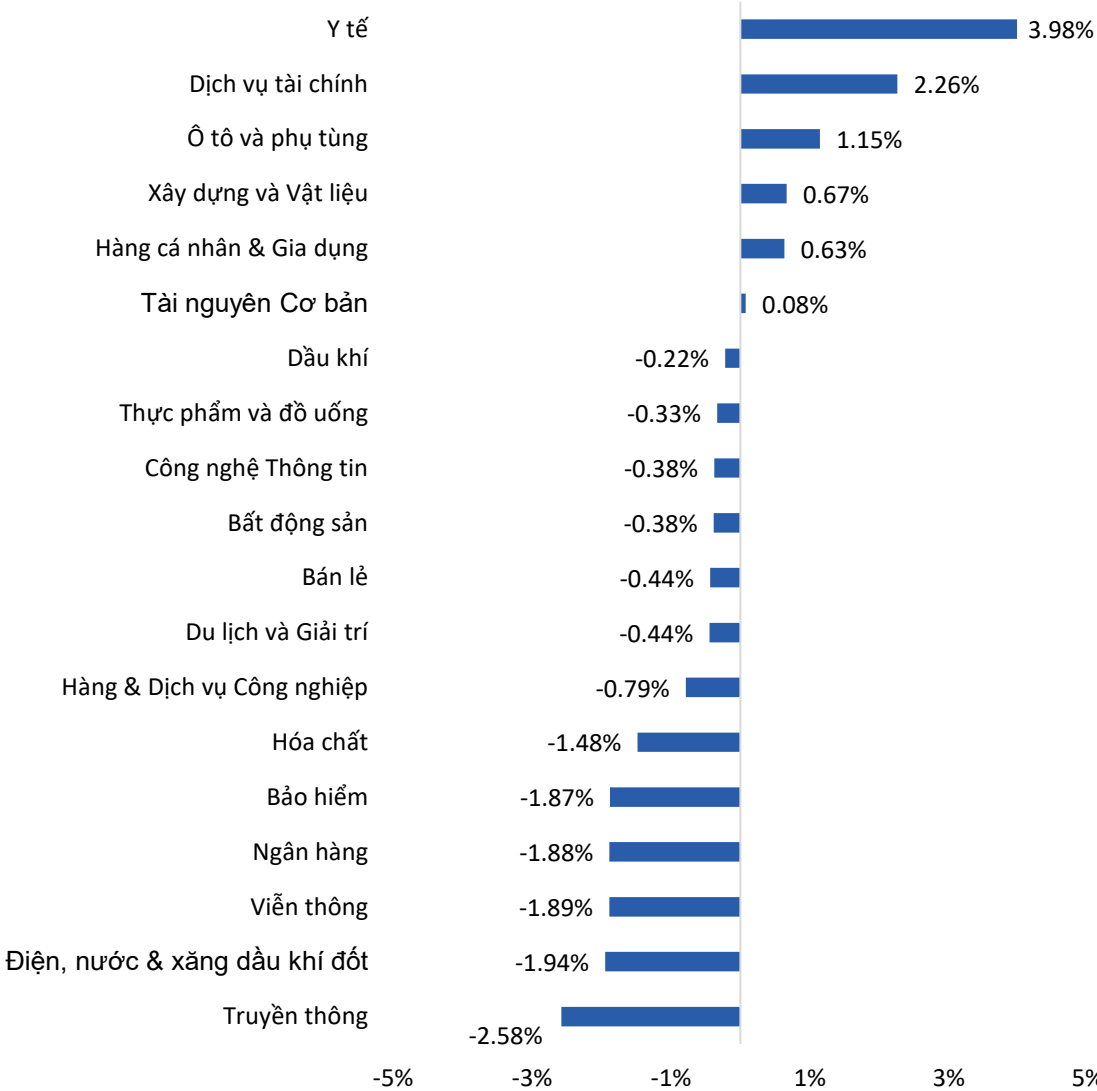
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Các chính sách hỗ trợ liên quan đến tài khóa, tiền tệ và sửa đổi quy định dưới Luật
- Mùa họp ĐHCĐ, công bố dự kiến KQKD quý I
- 24/4, Báo cáo môi trường kinh doanh Đức. 25/4, chỉ số niềm tin tiêu dùng và doanh thu bán nhà mới Hoa Kỳ. 26/4, CPI Australia; đơn đặt hàng hóa lâu bền và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 27/4, GDP công bố lần đầu, tỷ lệ thất nghiệp, doanh bán nhà qua sử dụng Hoa Kỳ; tỷ lệ thất nghiệp Nhật Bản. 28/4, Doanh thu bán lẻ, biên bản chính sách tiền tệ Nhật; GDP Canada, Đức, Pháp, Ý; CPI Đức.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Y tế	3.65%	3.98%	5.07%	DBD	1.47%		
Dịch vụ tài chính	1.23%	2.26%	11.03%	SSI	2.12%	HCM	1.39%
Ô tô và phụ tùng	0.50%	1.15%	1.14%	VEA	-1.07%	0	0.00%
Xây dựng và Vật liệu	-0.56%	0.67%	4.34%	CTD	19.96%	HT1	-3.10%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.08%	0.63%	1.69%	TCM	4.60%	TNG	1.78%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	77.87	0.65%	-5.53%	9.65%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	81.66	0.69%	-5.39%	8.84%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	260.16	0.59%	-8.26%	1.63%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,983.06	-1.08%	-1.05%	2.22%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	25.08	-0.81%	-1.04%	9.11%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,449.00	-1.33%	-1.24%	1.68%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	673.00	-1.03%	-2.82%	-0.26%		AFX
Sữa	USD/cwt	17.32	-0.80%	-2.09%	-7.23%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	210.10	-1.27%	0.14%	2.84%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	24.34	-1.62%	3.75%	20.02%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	191.45	-1.26%	-0.03%	6.81%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,794.50	-0.97%	-2.54%	1.12%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3,853.00	-1.18%	-1.38%	-6.14%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2,396.50	-1.01%	0.46%	5.36%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	744.50	-3.00%	-3.06%	-8.87%		HPG
Than đá	USD/MT	195.50	-1.83%	2.09%	5.88%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	568.38	-1.66%	-2.17%	-7.11%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
SAB	2.10%	0.56
VHM	0.60%	0.33
BMP	18.59%	0.24
SBT	8.28%	0.21
VHC	6.98%	0.18
CTD	19.96%	0.18
DHG	5.89%	0.18
SSI	2.12%	0.17
BSI	12.93%	0.16
DIG	5.56%	0.14
Tổng		2.35

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VPB	-5.12%	-1.77
GAS	-2.75%	-1.29
VCB	-1.02%	-1.07
VNM	-2.61%	-0.99
MSN	-2.18%	-0.61
CTG	-1.72%	-0.60
ACB	-2.81%	-0.59
SHB	-6.33%	-0.58
LPB	-7.77%	-0.50
HDB	-3.59%	-0.44
Tổng		-8.44

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	290.28	1.19
VPB	95.94	17.52
VHM	68.08	24.28
PNJ	58.74	48.78
VRE	47.53	32.94
FRT	39.60	28.72
EIB	38.15	8.45
MSN	22.82	30.34
SBT	20.08	#N/A N/A
TTF	19.66	2.12
Tổng	700.89	

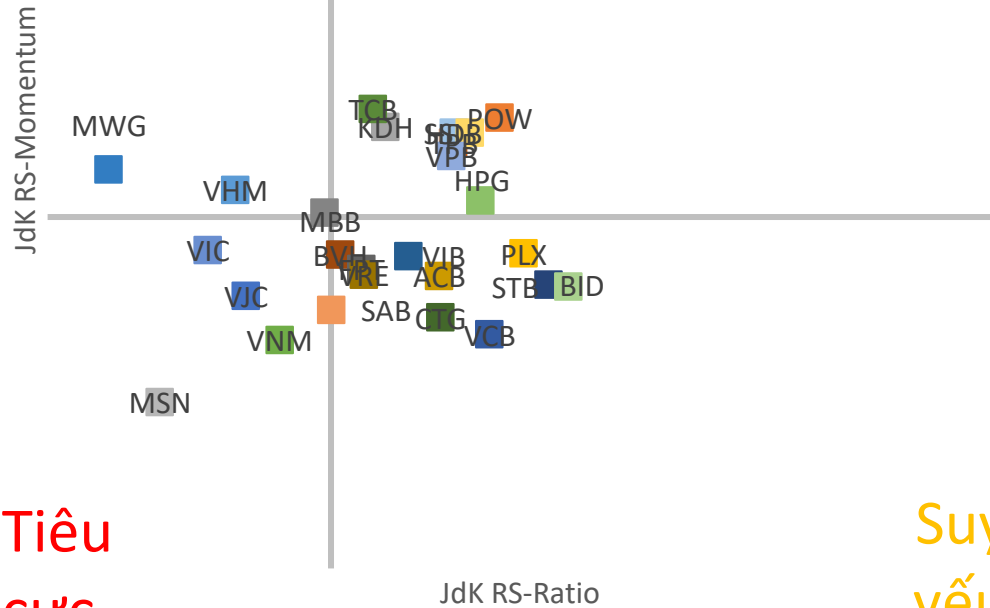
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
MSB	-405.52	
VNM	-100.99	55.59
STB	-73.73	26.08
BMP	-67.64	85.31
DGC	-39.01	15.85
PVT	-36.34	17.86
LPB	-36.05	4.89
DPM	-32.10	18.09
PVD	-26.72	21.64
BSI	-25.97	#N/A N/A
Tổng	-844.07	

Vận động cổ phiếu VN30			
POW	108.5007	103.1734	4.92%
KDH	102.5805	102.8	2.71%
PLX	111.1815	100.0656	-5.28%
HPG	107.8758	100.6644	-3.72%
TPB	106.2278	102.4521	3.83%
TCB	101.3477	102.7706	-1.20%
HDB	106.4169	102.8814	1.62%
SSI	106.5502	102.0837	3.34%
VPB	105.7315	101.175	-1.27%
PDR	55.21094	115.2975	-5.45%
NVL	40.43176	118.0284	-2.51%
MWG	87.40486	100.4623	-16.65%
MBB	99.67103	100.0744	-8.38%
GVR	98.14759	104.8247	-3.21%
VIB	104.5359	99.39401	-8.89%
BVH	100.9465	99.14823	-7.41%
FPT	102.0218	98.56378	-5.60%
VRE	102.1312	98.37064	-7.92%
BID	112.3982	98.62529	-1.78%
CTG	106.7686	97.40244	-4.35%
SAB	101.1152	98.02345	-12.29%
ACB	106.3084	98.61148	-2.61%
VCB	110.0659	97.69943	-8.85%
STB	112.7561	97.85019	-3.94%
VHM	93.87458	99.32985	-5.63%
VJC	95.81605	97.40525	-16.09%
VNM	98.07315	96.35729	-8.40%
MSN	91.89482	94.49113	-20.66%
VIC	93.51521	98.74709	-5.89%
GAS	97.51865	98.74633	-10.00%

Hồi
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực



Tiêu
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	87.5	-0.91%	0.86	18,004.14	1.36	7,311.00	11.97	105,000	23.59%	Link
BID	Ngân hàng	44.2	-0.90%	1.02	9,721.16	0.68	4,208.00	10.50	54,578	17.28%	Link
VPB	Ngân hàng	19.45	0.52%	1.15	5,677.04	6.89	3,972.00	4.90	23,685	28.09%	Link
TCB	Ngân hàng	28.7	-0.52%	1.38	4,388.90	2.95	14,982.00	1.92		17.64%	Link
MBB	Ngân hàng	18.05	-0.55%	1.43	3,558.19	3.04	14,982.00	1.20	24,400	17.64%	Link
STB	Ngân hàng	25.6	-0.39%	1.31	2,098.33	9.73	4,640.00	5.52	31,200	30.00%	Link
GVR	Ngân hàng	15.1	-0.33%	1.10	2,626.09	0.80	4,603.00	3.28	19,100	23.23%	Link
KBC	Ngân hàng	24.5	0.82%	1.63	817.67	6.04	4,880.00	5.02	29,800	29.17%	Link
IDC	Chứng khoán	38.4	-0.26%	1.69	550.96	3.07			52,400	42.84%	Link
VGC	BĐS KCN	34.1	-2.15%	1.55	664.73	1.56	1,217.00	28.02		0.55%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	20.7	-0.48%	1.00	5,233.31	10.07	1,916.00	10.80	25,000	23.42%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	50.3	-0.79%	0.88	9,522.81	1.61	1,896.00	26.53	68,300	10.63%	Link
VRE	BĐS	28	-1.41%	1.14	2,756.42	3.32	5,227.00	5.34	36,200	23.92%	Link
KDH	BĐS	28.4	-0.18%	0.40	885.13	1.06	1,576.00	18.02	37,700	32.47%	Link
NLG	BĐS	30.5	1.33%	1.52	509.32	4.91	2,557.00	11.93	38,100	44.94%	Link
DGC	Phân bón	52	-2.99%	1.50	858.63	9.85	14,120.00	3.68	60,500	18.41%	Link
DPM	Dầu khí	33.7	-1.17%	1.31	573.39	2.68	6,793.00	4.96	42,000	3.01%	Link
DCM	Dầu khí	23.8	-2.46%	0.80	547.81	3.46	2,625.00	9.07	29,000	18.11%	Link
GAS	Dầu khí	95.4	-0.63%	0.78	7,938.73	1.72	2,292.00	41.62	122,300	41.13%	Link
PLX	Dầu khí	36.75	0.82%	1.13	2,030.19	0.92	1,340.00	27.43	45,000	20.38%	Link
PVS	Tiện ích	24.9	-1.58%	1.33	517.45	3.60	993.00	25.08	33,000	6.25%	Link
PVD	Tiện ích	20.3	-0.98%	1.53	490.62	2.17	7,698.00	2.64	26,000	49.00%	Link
POW	Tiêu dùng	12.8	-2.66%	1.16	1,303.30	6.60	3,895.00	3.29	14,500	55.81%	Link
VNM	Tiêu dùng	70.9	-1.39%	1.20	6,442.51	3.43	2,605.00	27.22	84,500	30.59%	Link
MSN	Bán lẻ	76.4	-2.05%	1.13	4,729.24	3.78	3,456.00	22.11	96,000	49.00%	Link
MWG	Bán lẻ	39.3	-2.72%	1.26	2,500.47	4.84	7,475.00	5.26	55,200	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	77	-0.39%	0.74	1,098.09	1.34	2,965.00	25.97	95,000	29.02%	Link
VHC	Thủy sản	61.3	-0.97%	1.22	488.74	1.59	12,800.00	4.79	67,500	30.47%	Link
GMD	Logistics	52.9	0.00%	0.70	693.17	0.81	7,059.00	7.49	57,000	48.84%	Link
FPT	Công nghệ	79.3	-0.13%	0.78	3,782.36	1.12	5,901.00	13.44	91,900	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	28.6	-0.52%	1.22	5,975.85	1.16	3,490.63	8.19	1.28	28.06%	16.74%
ACB	Ngân hàng	24.25	0.00%	1.13	3,560.99	2.61	4,052.84	5.98	1.40	30.00%	26.49%
HDB	Ngân hàng	18.8	-2.08%	0.96	2,055.95	1.38	3,089.28	6.09	1.28	19.45%	23.49%
LPB	Ngân hàng	13.65	-1.44%	1.57	1,026.19	4.54	2,732.22	5.00	0.93	4.89%	19.91%
VIB	Ngân hàng	20.15	-1.23%	1.31	1,846.50	2.97	4,014.31	5.02	1.30	20.50%	29.39%
VND	Chứng khoán	15.05	1.35%	2.10	796.88	12.14	1,002.73	15.01	1.26		10.03%
TPB	Ngân hàng	22.55	0.67%	1.15	1,550.81	2.58	4,030.07	5.60	1.06	30.00%	20.89%
SSI	chứng khoán	21.65	2.61%	1.76	1,411.15	28.99	1,455.58	14.87	1.45		9.34%
CII	Xây dựng	14.3	-1.38%	1.79	156.82	3.00	2,871.60	4.98	0.67	9.57%	13.61%
C4G	Xây dựng	12	0.00%	2.06	127.01	1.16	790.73	15.18	1.10	0.00%	8.20%
CTD	Xây dựng	55	3.19%	1.84	176.62	1.33	280.95	195.76	0.49	49.13%	0.25%
HHV	Xây dựng	12.65	-1.56%	1.63	169.29	2.11	983.26	12.87	0.54	3.49%	3.86%
LCG	Xây dựng	12	-1.65%	2.05	98.12	4.65	995.53	11.95	0.89	3.43%	7.65%
BCM	KCN	79.1	-0.38%	0.92	3,559.50	0.09	1,356.44	58.31	4.84	2.79%	10.21%
HUT	KCN	15.5	-1.90%	1.51	234.95	0.82	414.67	37.38	1.39	2.04%	3.74%
PHR	KCN	40.1	0.00%	1.43	236.24	0.65	6,038.56	6.64	1.55	14.42%	24.10%
SZC	KCN	30.95	-1.90%	1.83	134.57	1.94	1,323.36	23.39	2.00	3.15%	8.95%
HSG	Vật liệu	14.95	-2.29%	2.11	388.74	5.69	(1,776.20)		0.88	17.02%	-9.96%
HT1	Vật liệu	14.05	-3.44%	1.48	233.10	1.23	386.12	36.39	1.07	3.57%	2.89%
NKG	Vật liệu	14.15	-3.41%	2.24	161.97	4.46	(473.59)		0.70	12.22%	-2.26%
PTB	Vật liệu	42.3	0.71%	0.99	125.13	0.31	7,161.81	5.91	1.07	13.70%	19.46%
KSB	Vật liệu	25	-1.38%	1.70	82.93	3.49	1,713.77	14.59	0.98	8.80%	7.01%
NVL	BĐS	13.6	-5.56%	0.94	1,153.11	19.20	1,114.35	12.20	0.71	6.18%	5.97%
DXG	BĐS	12.65	0.40%	2.19	335.52	6.10	367.07	34.46	0.83	20.19%	2.41%
HDC	BĐS	32.7	-0.91%	1.42	153.67	1.07	3,758.86	8.70	1.92	1.45%	25.40%
DIG	BĐS	17.1	-0.29%	2.50	453.41	15.21	236.33	72.36	1.38	5.59%	1.92%
IJC	BĐS	13	-2.62%	2.12	142.34	2.03	1,716.15	7.58	0.86	5.93%	13.47%
PVT	Dầu khí	19.9	-1.73%	1.29	280.03	2.15	2,649.01	7.51	1.07	17.86%	15.31%
PLC	Dầu khí	31.5	-4.26%	1.83	110.66	1.90	1,447.49	21.76	2.07	0.91%	8.99%
DRC	Săm lốp	20.3	-1.93%	1.31	104.85	0.33	2,246.06	9.04	1.29	8.43%	14.36%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
REE	Tiện ích	66.7	-1.33%	0.81	1,030.67	0.63	7,569.70	8.81	1.53	49.00%	18.69%
GEX	Tiện ích	12.7	-1.17%	1.83	470.17	2.77	432.99	29.33	0.90	12.21%	3.06%
NT2	Tiện ích	29.6	0.85%	0.77	370.48	0.65	3,244.99	9.12	1.87	15.97%	20.92%
HDG	Tiện ích	30.85	-1.59%	1.51	328.09	0.99	4,494.51	6.86	1.42	20.70%	22.74%
PC1	Tiện ích	27.7	-1.60%	1.29	325.70	1.08	1,700.59	16.29	1.46	8.20%	9.37%
GEG	Tiện ích	14.7	-0.68%	1.07	205.76	0.35	1,193.15	12.32	1.30	46.44%	8.08%
BCG	Tiện ích	7.68	-1.79%	2.11	178.13	1.29	774.00	9.92	0.62	2.00%	6.84%
BSR	Dầu khí	15.7	-1.88%	1.60	2,116.43	3.06	4,750.00	3.31	0.95	41.13%	33.16%
SAB	Bán lẻ	170.5	0.00%	0.17	4,753.85	1.26	7,959.00	21.42	4.73	62.53%	23.55%
QNS	Bán lẻ	42.5	2.66%	0.50	659.56	0.88	4,226.00	10.06	1.72	19.38%	17.50%
FRT	Bán lẻ	65.6	-1.65%	1.36	337.90	2.86	3,295.33	19.91	3.87	28.72%	21.27%
DGW	Bán lẻ	34.45	-1.29%	1.69	250.25	3.08	4,230.06	8.14	2.35	22.39%	32.77%
DBC	Bán lẻ	16	-0.63%	2.01	165.72	3.77	21.91	718.88	0.82	5.86%	0.11%
PET	Bán lẻ	25.1	0.40%	2.37	107.84	0.79	1,381.68	18.17			6.22%
BAF	Bán lẻ	20.8	-1.42%		129.79	1.70	1,944.33	10.70	1.72	0.15%	18.02%
ANV	Thủy sản	33.5	-3.87%	1.67	193.90	2.75	4,368.00	7.67	1.47	6.57%	20.07%
VSC	Logistics	28.7	-0.69%	0.47	151.32	0.16	2,591.69	11.07	1.25	3.02%	12.92%
HAH	Logistics	37.85	0.26%	1.05	115.76	0.67	10,224.47	3.70	1.15	9.05%	40.11%
CTR	Công nghệ	63.3	-0.63%	1.30	314.81	0.16	3,871.93	16.35	4.46	11.03%	30.17%
TNG	Dệt may	18.2	-1.62%	1.71	83.18	1.76	2,846.88	6.39	1.17	14.08%	18.96%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

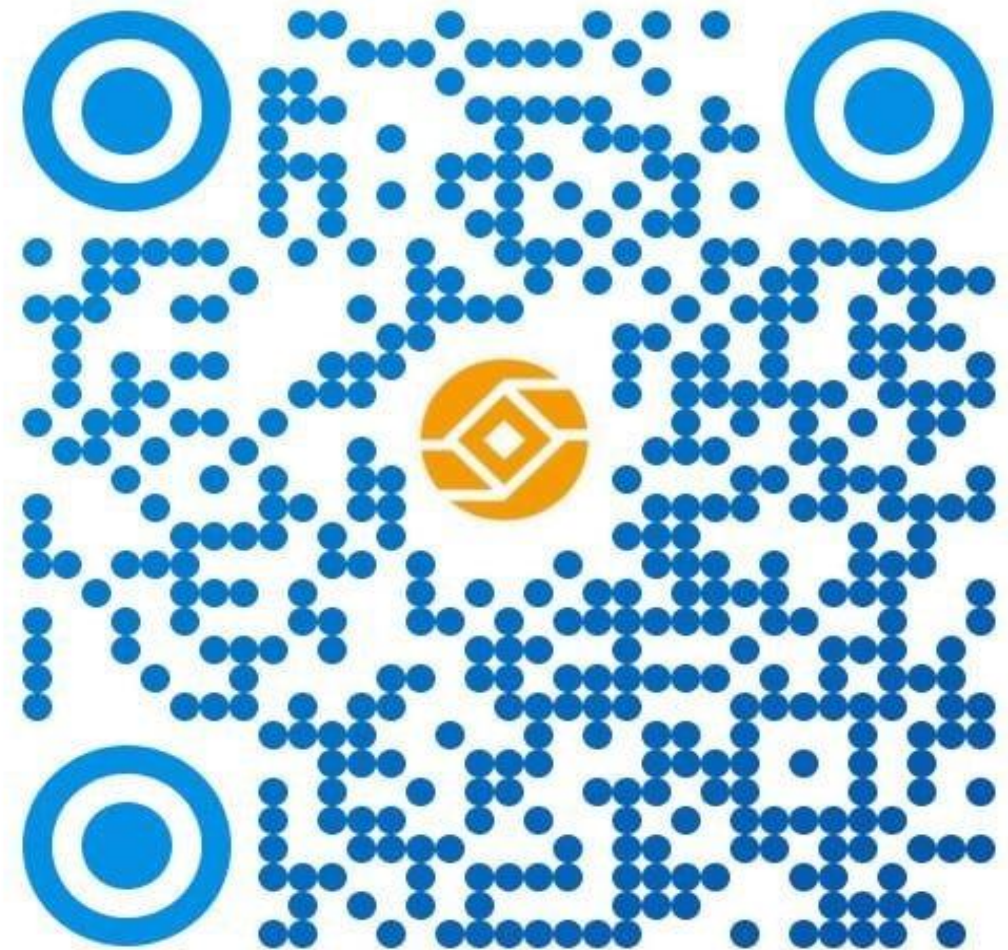
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký